

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Washington, Quận _____

In re:
Về việc:

Petitioner/s (as listed on the Petition):
(Các) Nguyên Đơn (như được liệt kê trong Đơn Xin):

Respondent/s (as listed on the Petition):
Và (Các) Bị Đơn (như được liệt kê trong Đơn Xin):

No. _____
Không.

Response to Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order (RSP)

Bản Trả Lời Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ

(RSP)

Revocation of Joinder (RSPRV)

Hủy bỏ Sự tham gia (RSPRV)

Response to Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order
Bản Trả Lời Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ

1. Your Response

Bản trả lời của quý vị

Revocation of Joinder: I previously signed an *Agreement to Join Petition* (Joinder) in this case and I am **no** longer in agreement so I am filing this *Response*. (Check *Revocation of Joinder* box above.)

Hủy bỏ Sự tham gia: Trước đây tôi đã ký *Thỏa thuận Tham gia Đơn khởi kiện* (Sự tham gia) trong vụ kiện này và tôi không còn đồng ý nữa nên tôi gửi *Bản Trả lời này*. (Đánh dấu vào ô *Hủy bỏ Sự tham gia* trên đây)

Look at each section of the *Petition*. Check below to say if you agree or disagree with what the other party said in each section, or say if you don't know because you don't have enough information. If you disagree with any part of a section, check "I disagree." List your reasons for disagreeing on page 2.

Hãy nhìn vào từng phần của *Đơn Xin*. Đánh dấu dưới đây để nói rằng quý vị đồng ý hay không đồng ý với bên khác đã nói trong từng phần, hoặc nói nếu quý vị không biết bởi vì quý vị không có đủ thông tin. Nếu quý vị không đồng ý với bất cứ phần nào của một đoạn nào của một phần, xin đánh dấu “Tôi không đồng ý.” Liệt kê các lý do không đồng ý của quý vị trên trang 2.

Section in the Petition Phần trong Đơn Xin	Your response (<i>check one</i>): Bản Trả Lời Của Quý Vị (<i>đánh dấu chọn một</i>)		
1. <i>Who is asking to change the parenting/ custody order?</i> <i>Ai đang yêu cầu thay đổi lệnh giám hộ/nuôi dạy con?</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
2. <i>Who are the other parents or custodians involved in this case?</i> <i>Những ai là các phụ huynh hoặc người chăm nuôi tham gia vào vụ kiện này?</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
3. <i>Who are the children involved in this case?</i> <i>Những đứa trẻ có liên quan đến vụ kiện này là những ai?</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
4. <i>Describe the parenting/custody order you have now:</i> <i>Xin miêu tả án lệnh giám hộ/nuôi dạy con mà quý vị có hiện giờ:</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
5. <i>Explain why you are filing your request for change with this court:</i> <i>Xin giải thích tại sao quý vị đang nộp yêu cầu thay đổi của quý vị với tòa này:</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
6. <i>Request for major change.</i> <i>Yêu cầu thay đổi lớn.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
7. <i>Request for minor change.</i> <i>Yêu cầu thay đổi nhỏ.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
8. <i>Request for restrictions on the parent with less parenting time.</i> <i>Yêu cầu về các giới hạn cho phụ huynh có ít thời gian nuôi dạy con hơn.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết

Section in the Petition Phần trong Đơn Xin	Your response (<i>check one</i>): Bản Trả Lời Của Quý Vị (<i>đánh dấu chọn một</i>)		
9. <i>Request for other changes.</i> <i>Yêu cầu những thay đổi khác.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
10. <i>Child support.</i> <i>Cấp dưỡng con cái.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
11. <i>Protection Order.</i> <i>Án Lệnh Bảo Vệ.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
12. <i>Restraining Order.</i> <i>Án Lệnh Ngăn Cấm.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
13. <i>Children's home/s.</i> <i>(Các) Nhà Của Những Đứa Trẻ.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
14. <i>Other people with a legal right to spend time with a child.</i> <i>Người khác có quyền hợp pháp để dành thời gian cho một đứa trẻ.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
15. <i>Other court cases involving a child.</i> <i>Các vụ kiện ở tòa khác liên quan đến một đứa trẻ.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết
16. <i>Jurisdiction over children.</i> <i>Thẩm quyền đối với những đứa trẻ.</i>	<input type="checkbox"/> I agree Tôi đồng ý	<input type="checkbox"/> I disagree Tôi không đồng ý	<input type="checkbox"/> I don't know Tôi không biết

If you checked "I disagree" for any of the above sections, list your reasons here:
Nếu quý vị đánh dấu "Tôi không đồng ý" đối với bất kỳ phần nào trên đây, xin liệt kê các lý do của quý vị ở đây:

Section #: _____ Reasons:
Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:
Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

Section #: _____ Reasons:

Phần #: Lý do: _____

(If you need more space, you may add more pages to this Response. Number, date, and sign each page that you add.)

(Nếu quý vị cần nhiều không gian hơn, thì quý vị có thể thêm nhiều trang hơn vào Phần Trả Lời này. Số, ngày tháng, và ký mỗi trang mà quý vị thêm.)

2. Protection Order Án Lệnh Bảo Vệ

Do you want the court to issue a Protection Order as part of the final orders in this case?

Quý vị có muốn tòa ban một Án Lệnh Bảo Vệ như một phần liên quan đến các án lệnh chính thức trong vụ kiện này không?

No. I do not want a *Protection Order*.

Không Tôi không muốn một *Án Lệnh Bảo Vệ*.

- Yes.** (You must file a *Petition for Protection Order*, form P 001. You may file your *Petition for Protection Order* using the same case number assigned to this case.)

Có. (Quý vị phải nộp một *Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ*, mẫu P 001. Quý vị có thể nộp *Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ* sử dụng cùng số vụ kiện được giao cho vụ kiện này.)

Important! If you need protection **now**, ask the court clerk about getting a *Temporary Protection Order*.

Thông Tin Quan Trọng! Nếu quý vị cần bảo vệ **ngay bây giờ**, hãy đề nghị lục sự tòa về việc nhận một *Án Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời*.

- There already is a *Protection Order* between (name): _____ and me.**

Đã có một *Án Lệnh Bảo Vệ* giữa (tên): _____ và tôi.

Court that issued the order: _____

Tòa án mà ban hành án lệnh: _____

Case number: _____

Số vụ kiện: _____

Expiration date: _____

Ngày hết hạn: _____

3. **Restraining Order** **Án lệnh Ngăn cấm**

Do you want the court to issue a *Restraining Order* as part of the final orders in this case?
Quý vị có muốn tòa ban một *Án Lệnh Ngăn Cấm* như một phần liên quan đến các án lệnh chính thức trong vụ kiện này không?

- No.** (Skip to 4.)

Không. (Bỏ qua đến 4.)

- Yes.** Check the type of orders you want:

Có. Đánh dấu loại án lệnh quý vị muốn:

- Do not disturb** – Order (name/s): _____ not to disturb my peace or the peace of any child listed in the *Petition*.

Không làm phiền – Lệnh cho (các/tên): không làm phiền sự yên bình của tôi hoặc sự yên bình của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*.

- Stay away** – Order (name/s): _____ not to go onto the grounds of or enter my home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in *Petition*.

Tránh xa – Lệnh cho (các/tên): _____ không được lảng vảng gần hoặc đi vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi, hay nơi giữ trẻ ban ngày hoặc trường học của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*.

- Also, not knowingly to go or stay within _____ feet of my home, workplace, vehicle, or school, or the daycare or school of any child listed in the *Petition*
Ngoài ra, không được cố ý đi hoặc ở trong vòng _____ feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ, hoặc trường học của tôi, hay nơi giữ trẻ ban ngày hoặc bất cứ trường học nào của bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*

[] **Do not hurt or threaten** – Order (name/s): _____:
Không hãm hại hoặc hăm dọa – Lệnh cho ((các) tên):

- Not to assault, harass, stalk or molest me or any child listed in the *Petition*; and Không được hành hung, quấy rối, săn đuổi, hoặc xâm hại tôi hay bất kỳ đứa trẻ nào được liệt kê trong *Đơn Xin*; và
- Not to use, try to use, or threaten to use physical force against me or the children that would reasonably be expected to cause bodily injury. Không được sử dụng, cố gắng sử dụng, hoặc hăm dọa để sử dụng vũ lực chống lại tôi hoặc các trẻ em được dự kiến một cách hợp lý là sẽ gây thương tích cơ thể.

Warning! *If the court makes this order, the court must consider if weapons restrictions are required by state law; federal law may also prohibit the Restrained Person from possessing firearms or ammunition.*

Cảnh báo! *Nếu tòa ra án lệnh này, thì tòa phải cân nhắc liệu xem những ngăn cấm vũ khí do luật tiểu bang yêu cầu; luật liên bang cũng có thể cấm chỉ Người Bị Ngăn Cấm không được sở hữu súng ống hoặc đạn dược.*

[] **Prohibit weapons and order surrender** – Order (name/s): _____:
Cấm chỉ mang vũ khí và lệnh giao nộp – Lệnh ((các) tên):

- Not to access, possess, or obtain any firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses until the Order ends, and Không được mang, sở hữu hoặc nhận lấy bất kỳ súng tay nào, các vũ khí nguy hiểm khác, hoặc giấy phép mang súng lục giấu kín cho đến khi Án Lệnh kết thúc, và
- To immediately surrender any firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses that they have in their custody, control, or possession to (check one): [] the police chief or sheriff. [] their lawyer. [] other person (name): _____.

Giao nộp ngay lập tức bất kỳ súng ống, các vũ khí nguy hiểm khác nào, và bất kỳ giấy phép mang súng lục giấu kín nào mà họ đang quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu để (đánh dấu chọn một): [] trưởng phòng cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng. [] luật sư của họ. [] người khác (tên): _____.

[] **Other restraining orders:** _____

Các án lệnh ngăn cấm khác:

Important! *If you want a restraining order now, you must file a Motion for Temporary Family Law Order and Restraining Order or a Motion for Immediate Restraining Order (Ex Parte).*

Thông Tin Quan Trọng! *Nếu quý vị muốn một án lệnh ngăn cấm ngay bây giờ, quý vị phải nộp một Thỉnh Nguyên Thư Án Lệnh Luật Gia Đình Tạm Thời và Án Lệnh Ngăn Cấm hoặc một Thỉnh Nguyên Thư Án Lệnh Ngăn Cấm Ngay Lập Tức (Từ Một Phía) (Án Lệnh Đơn Phương).*

4. Requests Các Yêu Cầu

(Check all that apply):

(Đánh vào tất cả những ô thích hợp):

- I ask the court to **deny** the other parent's *Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order*.

Tôi yêu cầu tòa **từ chối** Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con hoặc Lệnh Giám Hộ của phụ huynh khác.

- If the court changes** the current parenting/custody order based on the reasons listed in the other parent's custodian's *Petition*, I ask the court to approve my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule*. I am filing my proposed *Parenting Plan* or *Residential Schedule* at the same time as this *Response*.

Nếu tòa thay đổi án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại được dựa trên những lý do được liệt kê trong *Đơn Xin* của người chăm nuôi của phụ huynh, tôi yêu cầu tòa chấp thuận *Chương Trình Nuôi Dạy Con* hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà* được đề xuất của tôi. Tôi đang nộp *Chương Trình Nuôi Dưỡng* hoặc *Lịch Biểu Sống Tại Nhà* được đề xuất của tôi cùng lúc với *Bản Trả Lời* này.

Warning! If you want a change to the current parenting/custody order **based on different reasons** than listed in the other parent's (or non-parent custodian's) *Petition*, you must file your own *Petition to Change a Parenting Plan or Custody Order* (form FL Modify 601).

Cảnh báo! Nếu quý vị muốn một sự thay đổi đối với án lệnh giám hộ/nuôi dạy con hiện tại **được dựa trên những lý do khác** hơn được liệt kê trong *Đơn Xin* của phụ huynh kia (hoặc người chăm nuôi không phải phụ huynh), quý vị phải nộp *Đơn Xin Thay Đổi một Chương Trình Nuôi Dạy Con* hoặc *Lệnh Giám Hộ* của riêng quý vị (mẫu đơn FL Sửa Đổi 601).

- Child Support** – My request to change the parenting schedule affects child support because I'm asking to significantly change the amount of time the children spend with the parent who pays child support.

Tiền Cấp Dưỡng Con Cái – Yêu cầu thay đổi lịch biểu nuôi dạy con của tôi làm ảnh hưởng đến tiền cấp dưỡng con cái bởi vì tôi đang yêu cầu thay đổi đáng kể lượng thời gian con cái dành cho phụ huynh là người trả tiền cấp dưỡng con cái.

If the court makes my requested changes, I ask the court to set or change child support. I will file a *Financial Declaration* and proposed *Child Support Worksheets*.

Nếu tòa thực hiện các thay đổi được yêu cầu của tôi, thì tôi yêu cầu tòa thiết lập hoặc thay đổi tiền cấp dưỡng con cái. Tôi sẽ nộp một *Bản Khai Tài Chánh* và *Bảng Tính Tiền Cấp Dưỡng Con Cái* được đề xuất.

Warning! If the court does not change the parenting/custody order, your request to change child support may be denied. If you have other reasons to change child support, you may file a separate form to make that request (use form FL Modify 501 or 521).

Cảnh báo! Nếu tòa không thay đổi án lệnh giám hộ/nuôi dạy con, thì yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng con cái của quý vị có thể bị từ chối. Nếu quý vị có các lý do khác để thay đổi tiền cấp dưỡng con cái, quý vị có thể nộp mẫu đơn riêng để đưa ra yêu cầu đó (sử dụng mẫu đơn FL Sửa Đổi 501 hoặc 521).

- Protection/Restraining Order** – Approve my request for a *Protection Order* or *Restraining Order* as listed above.

Án Lệnh Bảo Vệ/Án Lệnh Ngăn Cấm – Chấp thuận yêu cầu xin *Án Lệnh Bảo Vệ* hoặc *Án Lệnh Ngăn Cấm* của tôi như được liệt kê dưới đây.

Other (*specify*):

Khác (*ghi rõ*): _____

Person filing this Response fills out below:

Người nộp Bản Trả LỜI này điền vào bên dưới:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true.

Chiếu theo qui định hình phạt về tội khai gian theo luật pháp của Tiểu Bang Washington, tôi xin cung khai rằng các sự kiện tôi cung cấp trên mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ phần đính kèm nào) là đúng sự thực.

I have attached (*number of*): _____ pages.

Tôi đã đính kèm (số): trang.

Signed at (*city and state*): _____ Date: _____

Đã ký tại (*thành phố và tiểu bang*): _____ Ngày: _____

► _____
Person filing Response signs here *Print name*
Người nộp Bản Trả LỜI ký tại đây *Viết chữ in họ và tên*

I agree to accept legal papers for this case at (*check one*):

Tôi đồng ý chấp nhận các giấy tờ pháp lý đối với vụ kiện này tại (*đánh dấu chọn một*):

my lawyer's address, listed below.

địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây.

Email: _____

Email:

the following address (*this does not have to be your home address*):

địa chỉ sau (*địa chỉ này không nhất thiết phải là địa chỉ nhà của quý vị*):

Street Address or PO Box *City* *State* *Zip*
Địa chỉ Đường phố hoặc Hộp thư Bưu Điện *Thành phố* *Tiểu bang* *Mã zip*

(*If this address changes before the case ends, you must notify all parties and the court clerk in writing. You may use the Notice of Address Change form (FL All Family 120).*)

(Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ kiện kết thúc, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các bên và lục sự tòa bằng văn bản. Quý vị có thể sử dụng mẫu đơn Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ (FL Tất Cả Mọi Gia Đình 120).)

Important! You must fill out and file a *Confidential Information* form (FL All Family 001) with the court clerk.

Thông Tin Quan Trọng! Quý vị phải điền và nộp một mẫu đơn *Thông Tin Mật* (FL Tất Cả Mọi Gia Đình 001) với lục sự tòa.

Lawyer (if any) fills out below:
Luật sư (nếu có) điền dưới đây:

_____	_____	_____	
<i>Lawyer signs here</i> Luật sư ký tại đây	<i>Print name and WSBA No.</i> Viết chữ in họ và tên và Số WSBA	<i>Date</i> Ngày	
_____	_____	_____	
<i>Lawyer's Address</i> Địa chỉ của Luật sư	<i>City</i> Thành phố	<i>State</i> Tiểu bang	<i>Zip</i> Mã zip
Email (if applicable): _____			
Email (nếu áp dụng): _____			

Warning! Documents filed with the court are available for anyone to see unless they are sealed. Financial, medical, and confidential reports, as described in General Rule 22, **must** be sealed so they can only be seen by the court, the other party, and the lawyers in your case. Seal those documents by filing them separately, using a *Sealed* cover sheet (form FL All Family 011, 012, or 013). You may ask for an order to seal other documents.

Cảnh Báo! Các văn kiện được nộp lên tòa có sẵn cho bất kỳ ai xem trừ khi chúng được niêm phong. Các báo cáo tài chính, y khoa, và các báo cáo mật, như được miêu tả trong Quy Định Chung 22, **phải** được niêm phong để chỉ có tòa, bên khác, và các luật sư trong vụ kiện của quý vị mới có thể nhìn thấy các báo cáo này. Niêm phong các văn kiện này bằng cách nộp riêng sử dụng một tờ bìa *Được Niêm Phong* (mẫu đơn FL Tất Cả Mọi Gia Đình 011, 012, hoặc 013). Quý vị có thể xin một án lệnh niêm phong các văn kiện khác.